

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGT – ST

Ngày 13 tháng 5 năm 2020

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Nhung
2. Bà Nguyễn Thị Kim Luyến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2005/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984, (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

*2. Bị đơn:* Chị Phạm Thùy L, sinh năm 1994, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, phường U, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2020 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thùy L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường U, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 21/6/2013. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống cùng nhau tại T, Bắc Ninh. Thời gian đầu chung sống vợ chồng tình cảm hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do anh đi làm ăn xa nên vợ chồng sống ly thân nhau từ đó, trong thời gian sống ly thân không có quan hệ tình cảm gì với nhau, gia đình hai bên không có biện pháp gì giúp vợ chồng đoàn

tụ, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thùy L.

Về con chung: Anh T cho biết vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 08/3/2018. Cháu B hiện đang sống cùng chị L. Ly hôn anh đề nghị chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và anh không có trách nhiệm phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Vì vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc và sức khỏe không thể đi lại nhiều lần nên anh T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt và gửi các văn bản tố tụng của vụ án cho anh T đầy đủ. Anh đề nghị Tòa án không hòa giải và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Phạm Thùy L trình bày: Chị xác nhận quá trình kết hôn và chung sống như anh T đã trình bày là đúng. Vợ chồng chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường U'. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T ở Bắc Ninh sinh sống cùng gia đình anh T được một thời gian, sau đó cả 2 vợ chồng anh chị cùng đi lao động tại Cộng hòa Séc được 03 năm thì về Việt Nam. Sau khi về Việt Nam đến tháng 02/2019 do vợ chồng mâu thuẫn với nhau nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở phường U', Phúc Yên, Vĩnh Phúc sinh sống. Vợ chồng chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị L cũng thừa nhận vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 08/3/2018. Cháu B hiện đang sống cùng chị. Ly hôn chị đề nghị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L trình bày quan điểm chị nhất trí ly hôn, xin nuôi con và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T và đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước xây dựng hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhưng anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Hoàng Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Phạm Thùy L có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 8, Phường U, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trưng Trắc, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào năm 2013 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị L đang cư trú thể hiện: Chị L và anh T sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chính quyền địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L không còn hạnh phúc, hai bên không quan tâm chăm sóc nhau, gia đình hai bên không có tác động gì để anh chị tiếp tục chung sống. Vợ chồng anh chị đã ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, chị L đã về sống cùng gia đình mẹ chị từ đầu năm 2019. Như vậy thấy rằng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn của anh T và chị L.

[4] Về con chung: Anh T và chị L đều thỏa thuận để chị trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Phạm Thùy L.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thùy L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Gia B, sinh ngày 08/3/2018.

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0008517 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường U;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Quang Hùng**